

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 59/2025/TT-NHNN

VĂN PHÒNG CQT
HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM

ĐẾN Số: 934
Ngày: 30/12/2025

Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về việc cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng, chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng, chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng Ngân hàng Nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng, chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; công ty thông tin tín dụng; Kho bạc Nhà nước Việt Nam; Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Tổ chức khác sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng, chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử) trong các hoạt động giao dịch điện tử do Ngân hàng Nhà nước tổ chức.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chứng thư chữ ký điện tử gốc là chứng thư do Ngân hàng Nhà nước tự cấp cho mình trong quá trình khởi tạo hệ thống chứng thực chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

2. Hệ thống chứng thực chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước là hệ thống thông tin cung cấp hạ tầng và dịch vụ phục vụ việc cấp, quản lý, xác thực chứng thư chữ ký điện tử và bảo đảm việc tạo lập, kiểm tra chữ ký điện tử.

3. Chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư do Ngân hàng Nhà nước cấp cho thuê bao nhằm xác nhận thuê bao được chứng thực là người ký chữ ký điện tử.

4. Thuê bao là tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cấp chứng thư chữ ký điện tử.

5. Tổ chức quản lý thuê bao là các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, công ty thông tin tín dụng, Kho bạc Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc các tổ chức khác quản lý thuê bao sử dụng chữ ký điện tử Ngân hàng Nhà nước.

6. Khóa bí mật là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được dùng để tạo chữ ký điện tử.

7. Khóa công khai là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được sử dụng để kiểm tra chữ ký điện tử được tạo bởi khóa bí mật tương ứng trong cặp khóa.

8. Người ký là thuê bao dùng đúng khóa bí mật của mình để ký điện tử vào một thông điệp dữ liệu dưới tên của mình.

9. Người nhận là tổ chức, cá nhân nhận được thông điệp dữ liệu được ký điện tử bởi người ký, sử dụng chứng thư chữ ký điện tử của người ký đó để kiểm tra chữ ký điện tử trong thông điệp dữ liệu nhận được.

10. Mã kích hoạt là thông tin cấp cho thuê bao bao gồm số tham chiếu và mã xác thực được dùng để chứng thực trong quá trình kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử.

11. Kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử là quá trình thuê bao sử dụng mã kích hoạt để chứng thực, khởi tạo cặp khóa bao gồm khóa bí mật, khóa công khai và lưu vào thiết bị lưu trữ chuyên dụng (sau đây gọi là thiết bị lưu khóa).

12. Người có thẩm quyền là thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 2 Thông tư này.

13. Nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử là nghiệp vụ trên các hệ thống thông tin mà thuê bao có thể sử dụng chứng thư chữ ký điện tử để ký duyệt hoặc xác thực. Một chứng thư chữ ký điện tử có thể sử dụng để ký duyệt, xác thực trên một hoặc nhiều hệ thống thông tin. Các hệ thống thông tin sử dụng chứng thư chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

- a) Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;
- b) Hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước;
- c) Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở bao gồm các phân hệ nghiệp vụ:
 - Đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở;
 - Phát hành, thanh toán, gia hạn và hủy trái phiếu đặc biệt;
 - Phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;
 - Tái cấp vốn.
- d) Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán;
- đ) Hệ thống báo cáo phòng chống rửa tiền;
- e) Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô;
- g) Hệ thống khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 4. Tổ chức tạo lập chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử

Cục Công nghệ thông tin là đơn vị đầu mối quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật và tạo lập chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Nội dung chứng thư chữ ký điện tử

Chứng thư chữ ký điện tử do Ngân hàng Nhà nước cấp bao gồm các nội dung sau:

1. Tên của Ngân hàng Nhà nước.
2. Tên của thuê bao.

3. Định danh của thuê bao.
4. Số hiệu của chứng thư chữ ký điện tử.
5. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử.
6. Dữ liệu để kiểm tra chữ ký điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử.
7. Chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.
8. Mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký điện tử.
9. Trách nhiệm pháp lý của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Gửi, nhận hồ sơ cấp phát chứng thư chữ ký điện tử

1. Phương thức gửi, nhận hồ sơ

Tổ chức quản lý thuê bao gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) thông qua một trong các phương thức sau:

- a) Hồ sơ điện tử nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- b) Hồ sơ giấy nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Hồ sơ gửi qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ngân hàng Nhà nước (áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước).

Cục Công nghệ thông tin chỉ tiếp nhận, xử lý hồ sơ giấy hoặc hồ sơ gửi qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp Cổng Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố không thể hoạt động được.

Trường hợp đơn vị đã thực hiện gửi hồ sơ điện tử qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ngân hàng Nhà nước thì không gửi hồ sơ giấy đến Cục Công nghệ thông tin.

2. Quy định đối với hồ sơ

a) Trường hợp gửi hồ sơ điện tử

Tổ chức quản lý thuê bao thực hiện kê khai thông tin vào các biểu mẫu điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tương ứng với Phụ lục I đến Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với các văn bản khác trong thành phần hồ sơ như quyết định bổ nhiệm, văn bản ủy quyền hoặc phân công nhiệm vụ, tổ chức quản lý thuê bao đính kèm bản điện tử được số hóa từ bản gốc (tập tin định dạng PDF).

b) Trường hợp gửi hồ sơ bản giấy

Tổ chức quản lý thuê bao có quyền lựa chọn gửi bản gốc hoặc bản sao (và xuất trình bản gốc để đối chiếu khi có yêu cầu của Cục Công nghệ thông tin).

3. Kết quả xử lý hồ sơ

Cục Công nghệ thông tin gửi văn bản điện tử kết quả xử lý, lý do từ chối trong trường hợp hồ sơ không được chấp thuận đến tổ chức quản lý thuê bao theo quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa. Trường hợp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính gặp sự cố, kết quả được gửi đến tổ chức quản lý thuê bao qua dịch vụ bưu chính.

Điều 7. Thiết bị lưu khóa của thuê bao

1. Cục Công nghệ thông tin có trách nhiệm công bố trên cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về chủng loại, thông số kỹ thuật thiết bị lưu khóa của thuê bao.

2. Cục Công nghệ thông tin cung cấp thiết bị lưu khóa cho các đơn vị hành chính thuộc Ngân hàng Nhà nước. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức quản lý thuê bao khác tự trang bị thiết bị lưu khóa theo đúng hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin.

3. Việc gửi, nhận thiết bị lưu khóa giữa Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị hành chính thuộc Ngân hàng Nhà nước được thực hiện bằng phương thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

Chương II

QUẢN LÝ, CẤP PHÁT CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Điều 8. Các hoạt động quản lý, cấp phát chứng thư chữ ký điện tử

1. Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử.
2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử.
3. Thay đổi mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử.
4. Gia hạn chứng thư chữ ký điện tử.
5. Tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử.
6. Khôi phục chứng thư chữ ký điện tử.
7. Thu hồi, hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử.
8. Duy trì trực tuyến cơ sở dữ liệu về chứng thư chữ ký điện tử.

Điều 9. Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử

1. Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho cá nhân

Hồ sơ đề nghị cấp hoặc bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho cá nhân bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho cá nhân theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản thể hiện sự đồng ý của thuê bao cho phép Cục Công nghệ thông tin thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân phục vụ cấp chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử là người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước, tổ chức quản lý thuê bao phải gửi kèm trong bộ hồ sơ quyết định bổ nhiệm của người có thẩm quyền;

d) Trường hợp cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử là người được người có thẩm quyền ủy quyền hoặc phân công nhiệm vụ, tổ chức quản lý thuê bao phải gửi kèm trong bộ hồ sơ văn bản ủy quyền hoặc phân công nhiệm vụ. Nội dung ủy quyền hoặc phân công nhiệm vụ phải nêu rõ người được ủy quyền hoặc phân công nhiệm vụ được phép đại diện cho tổ chức ký duyệt hồ sơ, văn bản, tài liệu, báo cáo, giao dịch trên hệ thống thông tin tương ứng với nghiệp vụ của chứng thư chữ ký điện tử đề nghị cấp. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác thực hiện.

2. Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho tổ chức

Hồ sơ đề nghị cấp hoặc bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho tổ chức gồm: Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho tổ chức theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp chứng thư chữ ký điện tử đã được cấp và hết hiệu lực hoặc đã bị thu hồi, thuê bao có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với chứng thư số cá nhân hoặc khoản 2 Điều này đối với chứng thư số tổ chức để được cấp chứng thư chữ ký điện tử mới thay thế.

4. Trường hợp chứng thư chữ ký điện tử đã được cấp và còn hiệu lực, tuy nhiên thiết bị lưu khóa bị hỏng hoặc chứng thư chữ ký điện tử bị xóa khỏi thiết bị hoặc do nguyên nhân khác dẫn tới lỗi trong quá trình sử dụng, thuê bao có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng thư chữ ký điện tử thay thế như sau:

a) Đối với chứng thư chữ ký điện tử cấp cho cá nhân: Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho cá nhân theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với chứng thư chữ ký điện tử cấp cho tổ chức: Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho tổ chức theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chứng thư chữ ký điện tử được cấp lại có thời hạn hiệu lực là thời hạn hiệu lực sử dụng còn lại của chứng thư chữ ký điện tử gần nhất trước đó.

5. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin thực hiện cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao. Đối với trường hợp cấp chứng thư chữ ký điện tử, Cục Công nghệ thông tin gửi mã kích hoạt kèm trong thông báo cấp chứng thư chữ ký cho thuê bao. Đối với trường hợp bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử, thuê bao không phải kích hoạt lại chứng thư chữ ký điện tử.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

6. Mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử có thời gian hiệu lực tối đa 30 ngày kể từ ngày chứng thư chữ ký điện tử được cấp. Thuê bao kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử theo tài liệu hướng dẫn kích hoạt, gia hạn chứng thư chữ ký điện tử được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

7. Thời hạn hiệu lực chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao tối đa là 05 năm. Trong trường hợp thời hạn hiệu lực đề nghị cấp vượt quá thời hạn hiệu lực còn lại của chứng thư chữ ký điện tử gốc của Ngân hàng Nhà nước thì thời hạn hiệu lực đối với chứng thư chữ ký điện tử cấp cho thuê bao là thời hạn hiệu lực còn lại của chứng thư chữ ký điện tử gốc của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử

1. Điều kiện gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử

- a) Chứng thư chữ ký điện tử phải đảm bảo còn hiệu lực;
- b) Tổ chức quản lý thuê bao có hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử trước thời điểm hết hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử ít nhất 10 ngày.

2. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử

a) Thời hạn hiệu lực chứng thư chữ ký điện tử được tính từ thời điểm thuê bao thực hiện gia hạn thành công. Trong trường hợp thời hạn hiệu lực đề nghị gia hạn vượt quá thời hạn hiệu lực còn lại của chứng thư chữ ký điện tử gốc của Ngân hàng Nhà nước thì thời hạn hiệu lực đối với chứng thư chữ ký điện tử sau gia hạn là thời hạn hiệu lực còn lại của chứng thư chữ ký điện tử gốc của Ngân hàng Nhà nước;

b) Việc thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử không làm thay đổi thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử.

3. Các trường hợp thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử

a) Thuê bao thay đổi chức danh, chức vụ;

b) Thuê bao thay đổi thông tin địa chỉ, email, số điện thoại, hộ chiếu;

c) Thuê bao thay đổi bộ phận (phòng/ban) công tác nhưng không thay đổi đơn vị/chi nhánh. Trường hợp thuê bao thay đổi đơn vị/chi nhánh công tác khác, tổ chức quản lý thuê bao thực hiện thủ tục hồi chứng thư chữ ký điện tử tại đơn vị/chi nhánh công tác cũ và thực hiện cấp chứng thư chữ ký điện tử tại đơn vị/chi nhánh công tác mới cho thuê bao (nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng);

d) Trong trường hợp thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, sắp xếp tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp dẫn tới phải thay đổi thông tin chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao, Cục Công nghệ thông tin gửi thông báo tới tổ chức quản lý thuê bao và thực hiện thay đổi thông tin chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao.

4. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này gồm Giấy đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký điện tử theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung chứng thư chữ ký điện tử hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin thực hiện gia hạn hoặc thay đổi nội dung chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

Nhận được thông báo chấp thuận gia hạn chứng thư chữ ký điện tử, thuê bao thực hiện gia hạn chứng thư chữ ký điện tử theo tài liệu hướng dẫn kích hoạt, gia hạn chứng thư chữ ký điện tử được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử

1. Các trường hợp tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao

a) Tổ chức quản lý thuê bao có hồ sơ đề nghị tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Khoa học và công nghệ phù hợp quy định của pháp luật;

c) Cục Công nghệ thông tin phát hiện ra sai sót, sự cố có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao hoặc an ninh, an toàn của Hệ thống chứng thư chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

2. Thời gian tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo đề nghị của tổ chức quản lý thuê bao. Thời gian tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Khoa học và công nghệ. Thời gian tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đến khi những sai sót, sự cố đó đã được khắc phục.

3. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử gồm Giấy đề nghị tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tiến hành tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao và thông báo kết quả xử lý cho tổ chức quản lý thuê bao.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tiến hành tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử và thông báo bằng văn bản thời gian, lý do tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử cho tổ chức quản lý thuê bao;

c) Đối với quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tiến hành tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử sau khi phát hiện các sai sót, sự cố và thông báo lý do tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử cho tổ chức quản lý thuê bao.

Điều 12. Khôi phục chứng thư chữ ký điện tử

1. Chứng thư chữ ký điện tử đề nghị khôi phục phải đảm bảo đang trong thời gian tạm dừng.

2. Các trường hợp khôi phục chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao

a) Tổ chức quản lý thuê bao có hồ sơ đề nghị khôi phục chứng thư chữ ký điện tử đã đề nghị tạm dừng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Khoa học và công nghệ có văn bản đề nghị khôi phục chứng thư chữ ký điện tử đã đề nghị tạm dừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

c) Chứng thư chữ ký điện tử bị tạm dừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này và những sai sót, sự cố đó đã được khắc phục;

d) Thời gian tạm dừng chứng thư chữ ký điện tử theo đề nghị tạm dừng đã hết.

3. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị khôi phục chứng thư chữ ký điện tử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này gồm Giấy đề nghị khôi phục chứng thư chữ ký điện tử theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị khôi phục chứng thư chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc văn bản đề nghị theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin thực hiện khôi phục chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này;

b) Đối với quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tự động khôi phục chứng thư chữ ký điện tử và thông báo cho tổ chức quản lý thuê bao.

Điều 13. Thu hồi, hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử

1. Tổ chức quản lý thuê bao có thể đề nghị thu hồi hoặc hủy bỏ một hoặc một số nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao. Trường hợp thu hồi chứng thư chữ ký điện tử, toàn bộ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao bị hủy bỏ.

2. Các trường hợp thu hồi chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Khoa học và công nghệ phù hợp quy định của pháp luật;

b) Tổ chức quản lý thuê bao có hồ sơ đề nghị thu hồi chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao;

c) Tổ chức quản lý thuê bao có quyết định thu hồi giấy phép hoạt động, chia, tách, sáp nhập, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

d) Có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng chứng thư chữ ký điện tử và thiết bị lưu chứng thư chữ ký điện tử;

đ) Chứng thư chữ ký điện tử hết hiệu lực sử dụng.

3. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị thu hồi hoặc hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử gồm Giấy đề nghị thu hồi, hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc hồ sơ đề nghị thu hồi, hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử hợp lệ của tổ chức quản lý thuê bao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin thực hiện thu hồi hoặc hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này;

b) Đối với các quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tự động thu hồi chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao và gửi thông báo tới tổ chức quản lý thuê bao.

Điều 14. Thay đổi mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử

1. Trường hợp thay đổi mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử

a) Mã kích hoạt bị lộ, nghi bị lộ;

b) Mã kích hoạt hết thời hạn hiệu lực, thuê bao chưa kích hoạt được chứng thư chữ ký điện tử và có nhu cầu tiếp tục sử dụng chứng thư chữ ký điện tử.

2. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị thay đổi mã kích hoạt gồm Giấy đề nghị thay đổi mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin thực hiện thay đổi mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao, gửi thông báo cấp mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do.

Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

4. Mã kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử có thời gian hiệu lực tối đa 30 ngày kể từ ngày thực hiện thay đổi. Thuê bao kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử theo tài liệu hướng dẫn kích hoạt, gia hạn chứng thư chữ ký điện tử được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Cập nhật và công bố thông tin

Cục Công nghệ thông tin công bố, cập nhật và duy trì 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước những thông tin sau:

1. Chứng thư chữ ký điện tử gốc của Ngân hàng Nhà nước.
2. Quy chế chứng thực của Ngân hàng Nhà nước.
3. Danh sách chứng thư chữ ký điện tử có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi của thuê bao.
4. Tài liệu hướng dẫn, các phần mềm liên quan đến quản lý, sử dụng chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.
5. Những thông tin cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ, CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Điều 16. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin

1. Cấp, gia hạn, tạm dừng, thu hồi, khôi phục, bổ sung nghiệp vụ, hủy bỏ nghiệp vụ, thay đổi mã kích hoạt, thay đổi thông tin chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao khi có yêu cầu.
2. Quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật và có phương án đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn và bảo mật của Hệ thống chứng thực chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.
3. Nghiên cứu và tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giải pháp kỹ thuật, hạ tầng công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng đối với Hệ thống chứng thực chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.
4. Đảm bảo an toàn, bảo mật suốt quá trình cấp phát, chuyển giao thông tin kích hoạt chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao. Cập nhật và lưu trữ đầy đủ, chính xác, an toàn bảo mật thông tin của thuê bao phục vụ cho việc quản lý chứng thư chữ ký điện tử. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân

trong công tác thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin của thuê bao, tổ chức quản lý thuê bao.

5. Phân phối chứng thư chữ ký điện tử và thiết bị lưu khóa cho thuê bao theo quy định.

6. Cung cấp cho thuê bao thông tin về phạm vi, quyền hạn sử dụng của chứng thư chữ ký điện tử, yêu cầu bảo mật và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao.

7. Lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động tạm dừng, thu hồi chứng thư chữ ký điện tử trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ thời điểm chứng thư chữ ký điện tử bị tạm dừng, thu hồi.

8. Công bố danh sách các chứng thư chữ ký điện tử đang hoạt động, tạm dừng hoặc thu hồi.

9. Cung cấp và cập nhật các phần mềm, tài liệu liên quan đến kích hoạt, gia hạn chứng thư chữ ký điện tử, quản trị thiết bị lưu khóa, ký và xác thực chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức quản lý thuê bao

1. Chỉ định cá nhân hoặc bộ phận trực thuộc đầu mối phụ trách đăng ký, quản lý danh sách thuê bao của tổ chức, quản lý hồ sơ, văn bản, báo cáo liên quan đến việc quản lý, sử dụng chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

2. Đăng ký và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin tại văn bản, hồ sơ, báo cáo liên quan đến chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao thuộc tổ chức quản lý gửi Cục Công nghệ thông tin.

3. Quản lý, thống kê, cập nhật danh sách thuê bao trong tổ chức. Tối thiểu 03 tháng 01 lần, thực hiện rà soát, đối chiếu danh sách chứng thư chữ ký điện tử đã được Ngân hàng Nhà nước cấp so với nhu cầu sử dụng và thông tin thực tế tại tổ chức quản lý thuê bao. Các chứng thư chữ ký điện tử không khớp đúng thông tin, tổ chức quản lý thuê bao phải thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin, tạm dừng, thu hồi hoặc hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử.

4. Thông báo cho thuê bao thuộc tổ chức quản lý về việc cung cấp dữ liệu cá nhân và chấp thuận cho phép Cục Công nghệ thông tin thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân phục vụ cấp chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao. Cung cấp cho Cục Công nghệ thông tin văn bản thể hiện sự đồng ý của thuê bao cho phép Cục Công nghệ thông tin thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân phục vụ cấp chứng thư chữ ký điện tử cho thuê bao theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

5. Hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện cho các thuê bao thuộc tổ chức quản lý đăng ký, sử dụng chứng thư chữ ký điện tử theo đúng các quy định tại Thông tư này.

6. Thông báo kịp thời cho Cục Công nghệ thông tin tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao trong các trường hợp:

- a) Khóa bí mật của thuê bao nghi bị lộ, bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép;
- b) Thiết bị lưu khóa của thuê bao bị thất lạc;
- c) Thuê bao thay đổi vị trí công tác không cần sử dụng chứng thư chữ ký điện tử để phục vụ công việc;
- d) Thuê bao tạm nghỉ việc, nghỉ việc, nghỉ hưu, từ trần;
- đ) Thuê bao thuộc chi nhánh/đơn vị của tổ chức quản lý thuê bao đã bị hủy mã ngân hàng;
- e) Khi văn bản ủy quyền của người đại diện hợp pháp đối với người được cấp chứng thư chữ ký điện tử hết hiệu lực hoặc đã có văn bản ủy quyền khác thay thế;
- g) Các trường hợp khác xuất phát từ nhu cầu của tổ chức quản lý thuê bao.

7. Thiết bị lưu khóa và chứng thư chữ ký điện tử cấp cho tổ chức phải được giao cho cá nhân quản lý và sử dụng. Việc bàn giao phải được lập thành văn bản quy định rõ vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao quản lý. Cá nhân được giao quản lý phải thực hiện vai trò, trách nhiệm của thuê bao quy định tại Thông tư này.

8. Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng thiết bị lưu khóa, chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao đảm bảo an toàn, đúng mục đích. Thu hồi thiết bị lưu khóa của thuê bao khi nghỉ việc, chuyển công tác hoặc thay đổi vị trí công tác, yêu cầu công việc không cần sử dụng chứng thư chữ ký điện tử. Thiết bị lưu khóa khi thu hồi phải đảm bảo đã được thuê bao hủy bỏ các dữ liệu lưu trữ trong thiết bị.

9. Tổ chức quản lý thuê bao là đơn vị hành chính thuộc Ngân hàng Nhà nước thu hồi kịp thời thiết bị lưu khóa của các thuê bao thuộc đơn vị quản lý không còn sử dụng để sử dụng lại cho thuê bao khác của đơn vị.

Điều 18. Trách nhiệm của thuê bao

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu cá nhân (đối với thuê bao là cá nhân) phục vụ cấp chứng thư chữ ký điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

2. Sử dụng chứng thư chữ ký điện tử đúng phạm vi, mục đích đã được cấp. Tuân thủ quy định về trách nhiệm của người ký khi sử dụng chứng thư chữ ký điện tử được cấp quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này.

3. Quản lý, sử dụng thiết bị lưu khóa

a) Sử dụng đúng chủng loại thiết bị lưu khóa theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;

b) Đảm bảo an toàn, bảo mật mã khóa truy cập và các dữ liệu lưu trữ trong thiết bị lưu khóa được cấp;

c) Không chia sẻ mã khóa truy cập hoặc cho mượn thiết bị lưu khóa. Khi nghỉ việc, chuyển công tác hoặc thay đổi vị trí công tác, yêu cầu công việc không cần sử dụng chứng thư chữ ký điện tử phải hủy dữ liệu đã lưu trong thiết bị lưu khóa và bàn giao thiết bị cho tổ chức quản lý thuê bao;

d) Không được sử dụng các công cụ, chương trình, phần mềm hay bất cứ hình thức nào khác để can thiệp, chỉnh sửa, thay đổi thông tin chứng thư chữ ký điện tử, các dữ liệu trong thiết bị lưu khóa hoặc cố ý làm hư hỏng thiết bị;

đ) Thông báo kịp thời cho tổ chức quản lý thuê bao của mình trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ chứng thư chữ ký điện tử không còn an toàn; thiết bị lưu khóa bị thất lạc, bị lỗi, hỏng không thể sử dụng.

4. Tuân thủ các quy định khác về cấp, quản lý và sử dụng chứng thư chữ ký điện tử.

Điều 19. Trách nhiệm của người ký, người nhận

1. Trách nhiệm của người ký

Không thực hiện ký chữ ký điện tử lên thông điệp dữ liệu trên các hệ thống thông tin khi hệ thống thông báo trạng thái chứng thư chữ ký điện tử của mình không còn hiệu lực.

2. Trách nhiệm của người nhận

Người nhận chỉ chấp nhận chữ ký điện tử của người ký trên thông điệp dữ liệu của các hệ thống thông tin khi hệ thống thông báo chữ ký của người ký là có hiệu lực sau khi được kiểm tra các thông tin sau:

a) Kiểm tra hiệu lực, phạm vi sử dụng, giới hạn trách nhiệm chứng thư chữ ký điện tử của người ký;

b) Chữ ký điện tử phải được tạo bởi khóa bí mật tương ứng với khóa công khai được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký điện tử được cấp.

3. Người ký, người nhận chịu trách nhiệm về các thiệt hại có thể xảy ra do không tuân thủ các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

2. Thông tư số 28/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư số 16/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 của Thông tư này.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Chứng thư số cấp cho thuê bao trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn còn hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn hiệu lực của chứng thư số hoặc cho đến khi được cấp lại theo quy định tại Thông tư này.

2. Các hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Ngân hàng nhà nước của tổ chức quản lý thuê bao đã gửi Cục Công nghệ thông tin nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành xử lý thì được tiếp tục áp dụng các quy định tại Thông tư 28/2015/TT-NHNN và Thông tư 16/2023/TT-NHNN.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

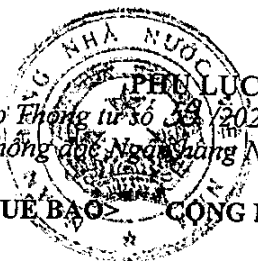
Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, công ty thông tin tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 22;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, PC, CNTT (03 bản).



Phạm Tiên Dũng



(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2025/TT-NHNN ngày 29/12/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, BỔ SUNG NGHIỆP VỤ
CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ CHO CÁ NHÂN**

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử:

Số điện thoại di động: Địa chỉ email:

1. Thông tin của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên: Giới tính¹:

Ngày sinh: Quốc tịch²:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu:

Mã số doanh nghiệp³:

Mã đơn vị (chi nhánh nơi công tác):

Địa chỉ nơi công tác:

Điện thoại di động: Địa chỉ email:

Chức vụ: Phòng ban:

2. Thông tin đề nghị

- Đề nghị cấp mới chứng thư chữ ký điện tử: ☐

Thời hạn hiệu lực (tối đa là 05 năm kể từ ngày chứng thư có hiệu lực): năm

Nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử: (TTLNH/BCNHNN/TTM ...):

Mục đích sử dụng: (Khi đăng ký nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH)):

☐ Truyền thông

☐ Phê duyệt giao dịch

- Đề nghị cấp lại chứng thư chữ ký điện tử: ☐

- Đề nghị bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử: ☐

Nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử đề nghị bổ sung (TTLNH/BCNHNN...):

Mục đích sử dụng: (Khi đăng ký nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH)):

☐ Truyền thông

☐ Phê duyệt giao dịch

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> cam đoan những thông tin khai báo trên
là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu tại đơn vị.

¹ Chỉ cung cấp thông tin về giới tính đối với cá nhân là người nước ngoài.

² Chỉ cung cấp thông tin về quốc tịch đối với cá nhân là người nước ngoài.

³ Là mã số trên Giấy đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của tổ chức.

Chú thích:

- Trường “**Nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử**”: ghi tất cả các nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử có nhu cầu cấp mới.

- Trường “**Nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử đề nghị bổ sung**”: chỉ ghi các nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử có nhu cầu bổ sung thêm.

Ghi tên viết tắt tương ứng với từng nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử, cụ thể:

STT	Tên viết tắt nghiệp vụ chữ ký điện tử	Hệ thống thông tin
1	TTLNH	Hệ thống thanh toán liên ngân hàng
2	BCNHNN	Hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước
3	TTM	Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở
4	SIMO	Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán
5	PCRT	Hệ thống báo cáo phòng chống rửa tiền
6	QTDND	Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô



PHỤ LỤC II
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2025/TT-NHNN ngày 29/12/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, BỔ SUNG NGHIỆP VỤ
CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ CHO TỔ CHỨC**

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử:

Số điện thoại di động: Địa chỉ email:

1. Thông tin tổ chức được cấp chứng thư chữ ký điện tử Ngân hàng Nhà nước

Tên cơ quan, tổ chức:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp¹:

Mã đơn vị:

Điện thoại di động²: Địa chỉ email³:

2. Thông tin đề nghị

- Đề nghị cấp mới chứng thư chữ ký điện tử: ☐

Thời hạn hiệu lực (tối đa là 05 năm kể từ ngày chứng thư có hiệu lực): năm

Nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử: (TTLNH/BCNHNN/TTM ...):

Mục đích sử dụng: (Khi đăng ký nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH)):

☐ Truyền thông

☐ Phê duyệt giao dịch

- Đề nghị cấp lại chứng thư chữ ký điện tử: ☐

- Đề nghị bổ sung nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử: ☐

Nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử đề nghị bổ sung (TTLNH/BCNHNN/...):

Mục đích sử dụng: (Khi đăng ký nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH)):

☐ Truyền thông

☐ Phê duyệt giao dịch

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> cam đoan những thông tin khai báo trên
là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu tại đơn vị.

¹ Là mã số trên Giấy đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của tổ chức.

² Là số điện thoại di động của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử.

³ Là địa chỉ email của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử.



PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2025/TT-NHNN ngày 22/11/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG
CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử:

Số điện thoại di động: Địa chỉ email:

1. Thông tin thuê bao

Tên thuê bao:

Mã đơn vị:

Điện thoại di động¹: Địa chỉ email²:

Định danh thuê bao³:

2. Thông tin đề nghị

- Đề nghị gia hạn chứng thư: ☐

Loại chứng thư: ☐ Cá nhân ☐ Tổ chức

Thời hạn gia hạn (tối đa là 05 năm): năm

- Đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư: ☐

Thông tin cần thay đổi	Thông tin mới

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> cam đoan những thông tin khai báo trên
là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp
(Ký và ghi rõ họ tên)

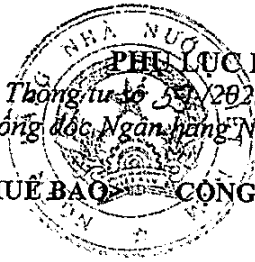
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại đơn vị.

¹ Là số điện thoại di động của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc số điện thoại di động của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp cho tổ chức.

² Là địa chỉ email của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc địa chỉ email của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp cho tổ chức.

³ Định danh của cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp sử dụng trong các hệ thống thông tin nghiệp vụ (ví dụ: 202.quanvq; quan.vuquang...).



PHỤ LỤC IV
(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-NHNN ngày 29/12/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử:

Số điện thoại di động: Địa chỉ email:

1. Thông tin thuê bao

Tên thuê bao:

Mã đơn vị:

Điện thoại di động¹: Địa chỉ email²:

Định danh thuê bao³:

2. Thông tin đề nghị tạm dừng

Loại chứng thư: ☐ Cá nhân ☐ Tổ chức

Thời gian tạm dừng: Từ ngày Đến ngày

Lý do tạm dừng:

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> cam đoan những thông tin khai báo trên
là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp
(Ký và ghi rõ họ tên)

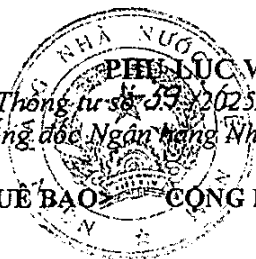
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại đơn vị.

¹ Là số điện thoại di động của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc số điện thoại di động của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp cho tổ chức.

² Là địa chỉ email của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc địa chỉ email của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp tổ chức.

³ Định danh của cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp sử dụng trong các hệ thống thông tin nghiệp vụ (ví dụ: 202.quanvq; quan.vuquang...).



(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2023/TT-NHNN ngày 29/11/2023
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử:

Số điện thoại di động: Địa chỉ email:

1. Thông tin thuê bao

Tên thuê bao:

Mã đơn vị:

Điện thoại di động¹: Địa chỉ email²:

Định danh thuê bao³:

2. Thông tin đề nghị khôi phục

Loại chứng thư: ☐ Cá nhân ☐ Tổ chức

Thời gian tạm dừng: Từ ngày Đến ngày

Lý do khôi phục:

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> cam đoan những thông tin khai báo trên
là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại đơn vị.

¹ Là số điện thoại di động của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc số điện thoại di động của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp cho tổ chức.

² Là địa chỉ email của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc địa chỉ email của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp cho tổ chức.

³ Định danh của cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp sử dụng trong các hệ thống thông tin nghiệp vụ (ví dụ: 202.quanvq; quan.vuquang...).



(Ban hành kèm theo Thông tư số 59/2025/TT-BTNH ngày 22/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUẾ BAO> CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI, HỦY BỎ NGHIỆP VỤ CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUẾ BAO> đề nghị Cục Công nghệ thông tin thu hồi/ hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử Ngân hàng Nhà nước của các thuế bao sau:

STT	Tên thuế bao	Định danh thuế bao ¹	Loại đề nghị ²	Nghiệp vụ cần hủy bỏ ³	Mục đích sử dụng ⁴ (Phê duyệt, truyền thông)	Thư điện tử (email) ⁵	Lý do
1							
2							

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUẾ BAO> cam kết các thông tin đề nghị thu hồi/ hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư chữ ký điện tử là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật.

Họ và tên cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử:

Số điện thoại di động: Địa chỉ email:

Người đại diện hợp pháp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại đơn vị.

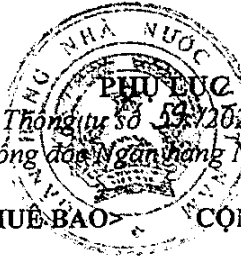
¹ Định danh thuế bao của cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp sử dụng trong các hệ thống thông tin nghiệp vụ (ví dụ: 202.quanvq: quan.vnquang...).

² Loại đề nghị ghi giá trị số theo quy định như sau: Loại đề nghị = 1: Thu hồi; Loại đề nghị = 2: Hủy bỏ nghiệp vụ.

³ Trường hợp Loại đề nghị = 2: Liệt kê các nghiệp vụ cần hủy bỏ.

⁴ Trường hợp nghiệp vụ là TTLNH cần ghi rõ mục đích là Truyền thông hay Phê duyệt, đối với các nghiệp vụ khác ghi mục đích sử dụng là Phê duyệt.

⁵ Là địa chỉ email của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc email của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư là chứng thư cấp cho tổ chức.



PHỤ LỤC VII
(Ban hành kèm theo Thông tư số 59/2025/TT-NHNN ngày 29/11/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI MÃ KÍCH HOẠT CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử:

Số điện thoại di động: Địa chỉ email:

1. Thông tin thuê bao

Tên thuê bao:

Mã đơn vị:

Điện thoại di động¹: Địa chỉ email²:

Định danh thuê bao³:

2. Thông tin đề nghị thay đổi mã kích hoạt

Loại chứng thư: ☐ Cá nhân ☐ Tổ chức

Lý do thay đổi:

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> cam đoan những thông tin khai báo trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp

(Ký và ghi rõ họ tên)

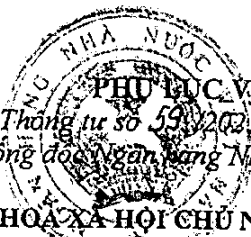
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại đơn vị.

¹ Là số điện thoại di động của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc số điện thoại di động của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp cho tổ chức.

² Là địa chỉ email của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử hoặc địa chỉ email của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử là chứng thư cấp cho tổ chức.

³ Định danh của cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp sử dụng trong các hệ thống thông tin nghiệp vụ (ví dụ: 202.quanvq; quan.vuquang...).



PHỤ LỤC VIII
(Ban hành kèm theo Thông tư số 59/2025/TT-NHNN ngày 29/12/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm ...

XÁC NHẬN VIỆC THU THẬP VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Kính gửi: Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước

- Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Căn cứ quy định tại Thông tư số/2025/TT-NHNN ngày/...../2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng, chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1. Thông tin thuê bao

Tên thuê bao:
Mã đơn vị:
Điện thoại di động¹: Địa chỉ email²:
Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu:

2. Nội dung xác nhận

Tôi cam đoan những thông tin cá nhân của tôi đã khai báo phục vụ cấp chứng thư chữ ký điện tử là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu thông tin cung cấp không đúng sự thật và đồng ý cho phép Cục Công nghệ thông tin thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân của tôi trong quá trình cấp phát chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng của Ngân hàng Nhà nước.

Xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao
Người đại diện hợp pháp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của thuê bao
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại đơn vị.

¹ Là số điện thoại di động của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử.

² Là địa chỉ email của cá nhân được cấp chứng thư chữ ký điện tử.

2

